

# Giải pháp kỹ thuật nghiệp vụ tài trợ xuất khẩu của ngân hàng

ThS. THÂN TÔN TRỌNG TÍN - ThS. HỒ QUANG MINH

**T**rong các thời kỳ, các quốc gia luôn chọn vấn đề thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nhằm cân bằng cán cân thanh toán được coi là giải pháp chủ yếu để hạn chế nhập siêu.

Hiện nay, tốc độ nhập khẩu của Việt Nam đang ở mức phi mã. Chỉ trong năm đầu tiên gia nhập WTO, mức nhập siêu của Việt nam năm 2007 đã tăng cao so với cùng kỳ nhiều năm. Bộ Công Thương vừa công bố mức dự kiến nhập siêu hàng hoá năm 2008 sẽ vào khoảng 16,97 tỉ USD, bằng 28,75% so với tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm.

Nếu đúng như dự kiến thì năm 2008 lại chứng kiến việc phá kỷ lục về nhập siêu của năm 2007 (năm 2007: Nhập siêu 12,3 tỉ USD, bằng 25,6% kim ngạch xuất khẩu). Mọi biện pháp để kiềm chế nhập siêu xem ra vẫn chưa phát huy hiệu quả do nền kinh tế còn phụ thuộc phần lớn vào bên ngoài trong một vài năm tới.

Bốn giải pháp được Bộ Công Thương chỉ ra để kiềm chế nhập siêu trong năm 2008 là:

- Chủ động rà soát những mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh do việc cắt giảm thuế quan theo cam kết WTO và AFTA mà trong nước có khả năng sản xuất để có biện pháp hạn chế nhập khẩu và khuyến khích sản xuất trong nước;

- Nghiên cứu cơ chế quản lý nhập khẩu hiệu quả nhằm từng bước giảm kim ngạch nhập khẩu;

- Triển khai đồng bộ các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, các loại nguyên liệu vật tư sản xuất trong nước để giảm nhập khẩu và xây dựng hàng rào tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp định chế quốc tế đối với hàng nhập

khẩu để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước.

- Thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, cân bằng cán cân thanh toán được coi là giải pháp chủ yếu, lâu dài để hạn chế nhập siêu, song không hề đơn giản.

Nội dung chính của bài viết này là sự tác động, hỗ trợ của ngân hàng thương mại (NHTM) cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (DNXX) trong việc giúp họ đẩy mạnh xuất khẩu thông qua dịch vụ tài trợ vốn với lãi suất thấp.

## Giải pháp của Ngân hàng

Trong thời kỳ lạm phát, Ngân hàng nhà nước (NHNN) thường sử dụng công cụ lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát. Hiện nay với lãi suất cơ bản 14%, một số NHTM đang áp dụng lãi suất cho vay tài trợ xuất khẩu với mức tối đa là 21%/năm.

Tuy nhiên, hiện nay các chi phí đầu vào đều tăng từ 20-30% cộng với mức lãi suất ngân hàng tăng đến 21%, nên các doanh nghiệp xuất khẩu rất khó đạt mức lợi nhuận kỳ vọng. Do vậy, về lâu dài nếu không giải quyết được vấn đề chi phí thì chúng ta khó tăng trưởng được doanh số xuất khẩu.

Để giải quyết vấn đề bài toán chi phí cho các doanh nghiệp xuất khẩu (DNXX), dưới góc độ ngân hàng, chúng tôi muốn đưa giải pháp làm sao có một sản phẩm cho vay VND nhằm tài trợ xuất khẩu với chi phí thấp hơn lãi suất cơ bản nhưng vẫn phải bảo đảm tính hiệu quả cho ngân hàng. Khi bài toán chi phí và tỷ giá đã được ngân hàng đứng ra xử lý, lúc đó các doanh nghiệp sẽ tập trung vào làm hàng xuất khẩu và dịch chuyển dần cơ cấu sản xuất, tăng cường xuất khẩu đem về ngoại tệ cho đất nước, đồng thời qua đó, chúng ta sẽ giải



quyết được phần nào bài toán nhập siêu hiện nay

**Cho vay VND tài trợ xuất khẩu với lãi suất thấp hơn 14%**

Khi sử dụng sản phẩm này, doanh nghiệp được vay VND với lãi suất bằng lãi suất cho vay USD, đồng thời doanh nghiệp cam kết bán ngoại tệ cho ngân hàng bằng tỷ giá giao ngay tại thời điểm nhận nợ. Sau khi xuất hàng, DNXXK xuất trình bộ chứng từ cho ngân hàng để đòi tiền bên mua. Khi tiền ngoại tệ về tài khoản, ngân hàng thực hiện hợp đồng mua ngoại tệ của doanh nghiệp và thu nợ VND.

Trước hết, để tính lãi suất cho vay VND là bao nhiêu thì hợp lý, các ngân hàng phải tính mức lãi suất bình quân nguồn USD của mình. Sau đó cộng với các khoản chi phí hoạt động, dự trữ bắt buộc... và tính toán ra mức chi phí lãi suất cho vay USD. Lãi suất này sẽ được áp dụng làm lãi suất cho vay VND cho các DNXXK.

Ví dụ: hiện nay lãi suất huy động USD của các ngân hàng (Eximbank, Sacombank) như sau: kỳ hạn 1 tháng 6,4%/năm, 3 tháng 6,52%/năm, 6 tháng 6,6%/năm, 9 tháng 6,5%/năm, 12 tháng 7%/năm.

Giả sử với mức lãi suất huy động bình quân ở trên, mức chi phí vốn huy động là 7,5%. Sau khi cộng các khoản chi phí khác, mức lãi suất cho vay USD từ 8,5-9,5 %/năm, ngân hàng có thể đưa ra mức lãi suất này áp dụng cho các DNXXK vay bằng VND.

**Quy trình**

**Bước 1:** Sau khi thẩm định phương án kinh doanh, tình hình tài chính của khách hàng, ngân hàng xác định số lượng ngoại tệ cho vay theo giá trị L/C hoặc phương án kinh doanh.

Sau đó ngân hàng bán số ngoại tệ lấy tiền đồng theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giải ngân, nguồn này dùng để tài trợ cho doanh nghiệp làm hàng xuất. Đồng thời khách hàng và ngân hàng

sẽ ký hợp đồng mua bán ngoại tệ, trong đó khách hàng cam kết sẽ bán lượng ngoại tệ tương đương với lượng ngoại tệ ngân hàng đã bán trước với tỷ giá thỏa thuận bằng tỷ giá giao ngay lúc giải ngân.

**Bước 2:** Giải ngân VND với lãi suất là 9% (giả sử ngân hàng đã tính toán được chi phí vốn USD của mình 9%).

**Bước 3:** Khi DNXXK đã xuất hàng và xuất trình bộ chứng từ tại ngân hàng.

Nếu DNXXK có nhu cầu chiết khấu, ngân hàng sẽ mua lại ngoại tệ theo tỷ giá tại bước 1 và thu nợ VND. Lúc đó, DNXXK được chuyển dư nợ từ VND sang USD với lãi suất cho vay USD (cũng bằng 9%).

Hoặc DNXXK không chiết khấu, xuất trình bộ chứng từ để ngân hàng tiến hành thủ tục đòi tiền ngân hàng thanh toán (theo L/C) hoặc nhờ thu (D/A; D/P).

**Bước 4:** Khi tiền về, Ngân hàng sẽ tiến hành mua lại số ngoại tệ theo hợp đồng đã ký với tỷ giá cố định đã xác định ở bước 1, đồng thời thu nợ VND và tắt toán khoản vay.

Trên thực tế, có những trường hợp khi vay tỷ giá USD/VND thấp, nhưng lúc tiền về thì tỷ giá biến động tăng cao, doanh nghiệp tính toán và thấy rằng nếu phải bán USD cho ngân hàng theo tỷ giá cố định đã thỏa thuận thì sẽ thiệt hại cho họ, nên có thể họ sẽ không thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, ngân hàng sẽ xử lý như thế nào?

Như vậy trong hợp đồng mua bán ngoại tệ tại bước 1, ngân hàng và DNXXK sẽ thỏa thuận mức phạt trong trường hợp doanh nghiệp không bán ngoại tệ.

Để tính toán mức phạt này, chúng ta xem ví dụ dưới đây.

Ví dụ: DNXXK có hợp đồng ngoại trị giá 100.000USD bán tôm phi lê cho phía nước ngoài, bên mua mở L/C trị giá 100.000 USD. Thời gian từ lúc thu mua tôm, chế biến và xuất hàng khoảng 5 tháng. Thời gian đòi tiền và lúc tiền về khoảng 30 ngày. Lãi suất vay VND: 21%/năm; lãi suất vay USD: 9 %/năm. Tỷ giá giao ngay lúc giải ngân là S=16.800đ/\$. Tỷ giá kỳ hạn là F.

Ngày 1/8/08 ngân hàng cho vay ứng trước 60% trị giá L/C. Ngân hàng sẽ bán 60.000 USD với tỷ giá : 16.800 VND/USD và cho doanh nghiệp vay khoảng 1tỷ VNĐ với lãi suất là 9%/năm. Thời hạn vay 6 tháng và hai bên sẽ ký hợp đồng, theo đó DNXXK bán cho ngân hàng 60.000USD sau 180 ngày, nhưng tỷ giá được cố định là 16.800VND/USD.

Trong bài toán này, chúng ta sẽ xác định sau 180 ngày. Khi tiền về với những mức tỷ giá USD/VND nào thì doanh nghiệp cảm thấy bất lợi, có thể họ sẽ không thực hiện hợp đồng bán ngoại tệ đã ký. Vậy ngân hàng sẽ áp dụng mức phạt như thế nào?

Ghi chú: n là số ngày vay (n <365)

**Bảng 1: So sánh ưu nhược điểm giữa hai hình thức tài trợ**

Nếu doanh nghiệp vay thông thường với lãi suất 21%	Nếu doanh nghiệp vay tài trợ lãi suất 9%
- Phải trả lãi suất cao 21%: $1 \text{ tỷ} \times 21\% \times n/360$	- Chi trả lãi suất 9%: $1 \text{ tỷ} \times 9\% \times n/360$
- Khi tiền về, DN được bán USD với tỷ giá giao ngay tại thời điểm tiền về (ta gọi là F)	- Khi tiền về, DN phải bán USD với tỷ giá giao đã cố định S (16.800VND/USD)

Sau n ngày, nếu phần chênh lệch lãi vay VNĐ lớn hơn phần thiệt hại về tỷ giá, thì DNKK có lợi. Lúc đó ta có bất đẳng thức  $F < S \times [1 + n \times 0.00033]$

Trường hợp nếu  $F > S \times [1 + n \times 0.00033]$  thì doanh nghiệp sẽ không có lợi, lúc đó DNKK có thể sẽ hủy hợp đồng và chịu mức phạt.

Vậy trong ví dụ trên, với những kỳ hạn 30, 60, 90, 120... ngày, với  $S = 16.800\text{VND/USD}$ , áp dụng vào đẳng thức  $F = S \times [1 + n \times 0.00033]$ , chúng ta có các tỷ giá F như sau:

Qua bảng trên, ta thấy nếu tỷ giá giao ngay tại

**Bảng 2:**

S (VND/USD)	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800
N (ngày)	30	60	90	120	150	180
F (VND/USD)	16,966	17,133	17,299	17,465	17,632	17,798

thời điểm 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng ... mà cao hơn mức trên bảng, doanh nghiệp sẽ bị thiệt hại nếu phải bán USD cho ngân hàng với tỷ giá 16.800VND/USD. Theo bảng 1, phần thiệt hại của ngân hàng chính là sự chênh lệch giữa cho vay theo lãi suất thông thường 21% và cho vay tài trợ xuất khẩu 9%. Do vậy trường hợp nếu doanh nghiệp hủy hợp đồng, doanh nghiệp sẽ chịu mức phạt bằng chênh lệch lãi suất cho vay VNĐ và USD trong suốt thời gian vay.

Với ví dụ trên thì mức phạt cho doanh nghiệp nếu hủy hợp đồng bán ngoại tệ:

$$1.000.000.000 \text{ VND} \times (21\% - 9\%) \times 180/360 = 60.000.000 \text{ VND}$$

Ưu điểm và hiệu ứng của sản phẩm tài trợ xuất khẩu với lãi suất thấp đối với nền kinh tế:

Trong mọi thời kỳ, xuất khẩu luôn được quan tâm và khuyến khích, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế đang bị lạm phát cao, khi mặt bằng lãi suất tăng cao thì với mức chi phí vay vốn thấp 9%, 9.5%... < 21%, các doanh nghiệp sẽ phần nào giải được bài toán chi phí sản xuất, giá thành và lợi nhuận của mình.

Với sự tài trợ hiệu quả trực tiếp vào chi phí vốn (lãi vay ngân hàng) của NHTM, doanh nghiệp sẽ tập trung hơn vào sản xuất, tăng cường tìm kiếm thị trường, tăng vòng quay vốn, tăng doanh số và gia tăng lợi nhuận.

Bên cạnh đó, với đội ngũ nhân sự không chuyên sâu về các nghiệp vụ ngoại hối thì doanh nghiệp chỉ nên tập trung thời gian, nhân sự vào sản xuất, còn vấn đề rủi ro tỷ giá đã có ngân hàng tài trợ đứng ra đảm trách.

Về phía ngân hàng, thông qua việc tài trợ xuất khẩu với lãi suất thấp sẽ tăng được doanh số cho vay và thu phí dịch vụ. Bên cạnh đó khối lượng sản phẩm bán chéo như: kinh doanh nguồn, kinh doanh ngoại tệ, bảo hiểm, doanh số các hợp đồng phái sinh... cũng gia tăng.

Xét về mặt lợi ích quốc gia, việc doanh số xuất khẩu tăng cũng làm cho tốc độ nhập siêu giảm. Bên cạnh đó xuất khẩu làm lượng ngoại tệ dự trữ của quốc gia gia tăng đáng kể, Chính phủ sẽ có thêm công cụ quản lý, ổn định nền kinh tế cũng như kiểm chế có hiệu quả vấn đề lạm phát.

Trên đây là một giải pháp về tài trợ xuất khẩu với lãi suất thấp cho các DNKK của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tùy từng ngân hàng có thể dựa vào nội dung trên để thiết kế các sản phẩm tài trợ xuất khẩu, tái cấu trúc hệ thống kinh doanh và sản phẩm dịch vụ để tăng khả năng cạnh tranh, hạn chế rủi ro tín dụng và tối ưu hóa lợi nhuận. Đứng trên phương diện DNKK giúp họ có thêm một sản phẩm dịch vụ tài trợ mới ngoài cách tài trợ thông thường để họ có thêm cơ hội cân nhắc lựa chọn nhằm tối ưu hóa chi phí vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh xuất khẩu của mình.

Được biết hiện nay có thể vì nhiều lý do khác nhau, NHNN tạm thời không cho phép các NHTM cho vay ngoại tệ trực tiếp cho DNKK. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của người viết, NHNN nên sớm cho phép các NHTM cho vay trực tiếp bằng ngoại tệ cho DNKK để DNKK có thêm công cụ tính toán hiệu quả bài toán xuất khẩu của mình ngoài 2 cách trên. Dựa vào ví dụ trên, ta sẽ thấy DNKK sẽ tiết kiệm được đáng kể chi phí lãi vay mà vẫn hạn chế được rủi ro tỷ giá như sau:

Nếu doanh nghiệp vay thông thường với lãi suất 21%	Nếu Doanh nghiệp vay ngoại tệ, sau đó bán lại cho NH để lấy VND mua NVL
- Phải trả lãi suất cao 21%: $1 \text{ tỷ} \times 21\% \times 180/360 = 105 \text{ triệu}$	- Chi trả lãi suất 9%: $60.000\text{USD} \times 9\% \times 180/360 = 2.700\text{USD}$ tức tương đương: 45.360.000 đ (16,800VND/USD) hay 48.054.600 đ (17,798VND/USD 6 tháng sau)

Vậy DNKK tiết kiệm được:  $105.000.000 - 45.360.000 = 59.640.000 \text{ đ}$  hoặc **56.945.000 đ**

Giả định với trị giá HĐ 100.000 USD:

- Doanh thu (VND)	1.680.000.000	1.680.000.000
- Giá vốn chưa tính lãi vay	1.600.000.000	1.600.000.000
- Lãi vay theo cách thông thường	105.000.000	
- Lãi vay ngoại tệ		45.360.000
<b>Lãi/lỗ (VND)</b>	<b>- 25.000.000</b>	<b>+ 34.640.000</b>

Như vậy, rõ ràng DNKK vẫn xuất khẩu và thu được lợi nhuận trong khi theo cách cho vay thông thường như hiện nay doanh nghiệp tính toán thấy lỗ và sẽ không xuất khẩu. **Đây mới thật sự là giải pháp hữu hiệu giúp cho DNKK tiết kiệm chi phí lãi vay, từ đó tính toán lại giá bán của mình để cạnh tranh với các DNKK nước ngoài.**

# Khảo sát và đo lường các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quyết định đầu tư chứng khoán của đầu tư cá nhân

THS. TRẦN MINH – NGUYỄN THỊ THÙY DUNG

## Giới thiệu

Từ khi ra đời và hoạt động cho đến nay (hơn 7 năm) mặc dù còn non trẻ nhưng thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam cơ tốc độ phát triển khá cao và biến động không ngừng, lượng các nhà đầu tư trên thị trường hiện nay là nhà đầu tư cá nhân (chiếm hơn 90% khối lượng giao dịch cũng như giá trị giao dịch). Thế nhưng theo một số chuyên gia nhận định việc đầu tư của họ được chủ yếu là đầu tư theo cảm tính và mang đầy tính bầy đàn, đây là nguyên nhân chính dẫn đến rủi ro không chỉ cho chính các nhà đầu tư mà còn ảnh hưởng chung đến toàn thị trường. Vì vậy, nhằm khẳng định giả thuyết đã nêu và xác định yếu tố nào thật sự tác động đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư cá nhân. Trong các yếu tố đó, yếu tố nào ảnh hưởng nhiều như các chuyên gia nhận định. Với mục tiêu đã nêu, nghiên cứu được tiến hành theo hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Nghiên cứu sơ bộ để kiểm tra bước đầu độ phù hợp của mô hình nghiên cứu đề xuất đối với nghiên cứu này, làm tiền đề cho nghiên cứu định lượng;

- Giai đoạn 2: Nghiên cứu chính thức nhằm xác định các yếu tố có ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư, sử dụng phân tích hồi quy đa nhân tố để tiến hành phân tích các dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi thông qua phỏng vấn trực tiếp các nhà đầu tư.

### Nhận định các đặc điểm tâm lý chung của các nhà đầu tư cá nhân

Khi TTCK Việt Nam mới ra đời, lúc này số lượng các nhà đầu tư tham gia thị trường rất ít, do

đây là thị trường kinh doanh quá mới. Và các nhà đầu tư cá nhân lúc này thật sự là những nhà đầu tư có kiến thức, họ xuất thân từ tầng lớp trí thức trong xã hội. Nhà đầu tư tham gia vào thị trường lúc này là những người tiên phong, những người dễ dàng chấp nhận cái mới vì lợi nhuận từ việc mua bán cổ phiếu lúc này còn ít cho nên có thể nói sự kỳ vọng vào lợi nhuận không phải là nguyên nhân chính khiến nhà đầu tư thực hiện giao dịch. Giai đoạn này, các biểu hiện tâm lý trong đầu tư của nhà đầu tư chưa bộc lộ rõ ràng. TTCK phát triển bình thường trong vòng 5 năm tiếp theo.

Khi thị trường tăng trưởng quá nhanh trong năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007, lúc này

Đứng trên phương diện ngân hàng, họ cũng được đảm bảo thu lại được số ngoại tệ đã cho vay và tiền lãi sau khi DNXXK thu được 100.000USD bán lại cho họ, vẫn kinh doanh có hiệu quả, giải quyết được số ngoại tệ huy động tạm thời dư thừa và có thêm được lợi ích như đã phân tích ở phần trên.

Đứng trên lợi ích quốc gia, đây là giải pháp thật sự hữu hiệu để đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần giải quyết bài toán nhập siêu, bài toán lạm phát.

Và như vậy đã hài hòa được cả 3 lợi ích: doanh nghiệp-ngân hàng-xã hội.

Hy vọng những giải pháp chúng tôi đề xuất trên là cơ sở để các cơ quan hữu quan, các NHTM, các DNXXK nghiên cứu xem xét sửa đổi, vận dụng nhằm góp phần đẩy mạnh xuất khẩu, kiềm chế lạm phát, chiến lược trọng tâm của Việt Nam chúng ta trong giai đoạn hiện nay ■